|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: / /NQ-HĐND | *Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của thành phố Đà Nẵng**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số …/2025/NĐ-CP ngày … tháng …năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương; Nghị định số 14/2024/NĐ-CP ngày 07/02/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 tháng 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;*

*Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia; Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại; Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại;*

*Căn cứ Thông tư số 45/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại và Chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm …. của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của thành phố Đà Nẵng.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của thành phố Đà Nẵng.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .... tháng ... năm ....

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy định viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Quy định của Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và lập dự toán ngân sách hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách của thành phố để thực hiện. Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh về nội dung Quy định, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa X, Kỳ họp thứ … thông qua ngày tháng năm ……./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ủy ban Thường vụ Quốc hội;  - VP Chính phủ, VP Chủ tịch nước;  - Các Bộ: Công Thương, Tài chính;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;  - Ban Thường vụ Thành ủy; - Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy; - Đoàn ĐBQH thành phố; Thường trực HĐND thành phố;  - UBND, UBMTTQ Việt Nam thành phố; - Các Ban HĐND thành phố; Đại biểu HĐND thành phố; - VP Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố; - VP UBND thành phố; - Các sở, ngành, đoàn thể thành phố; - Các Đảng uỷ cấp xã, HĐND các xã,   UBND, UBMTTQ Việt Nam các phường, xã; - Báo và Đài Phát thanh, Truyền hình Đà Nẵng, Ban Chuyên đề CA TPĐN, Trung tâm THVN khu vực MTTN (VTV8);  - Lưu: VT, CTHĐ. | **CHỦ TỊCH** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến**

**thương mại của thành phố Đà Nẵng**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số ngày tháng năm*

*của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

## **Chương I**

## **QUY ĐỊNH CHUNG**

# Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung, mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng.

2. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo các quy định hiện hành.

# Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì, các đơn vị tham gia, các cơ quan tham gia quản lý nhà nước đối với hoạt động xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

# Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị chủ trì là Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng (đơn vị trực thuộc Sở Công Thương). Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại và có trách nhiệm thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Đơn vị tham gia là các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức xúc tiến thương mại được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành; là đối tượng trực tiếp tham gia hoạt động xúc tiến thương mại và được thụ hưởng kinh phí hỗ trợ theo Quy định này.

a) Các đơn vị tham gia là tổ chức kinh tế, có trụ sở chính hoặc chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng; có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thành phố; có hạch toán độc lập và tham gia đóng góp vào ngân sách thành phố; riêng đối với chi nhánh doanh nghiệp thì đồng thời có tham gia thành viên các hội, hiệp hội ngành nghề trên địa bàn thành phố nhằm góp phần thúc đẩy phát triển ngành, lĩnh vực của thành phố;

b) Các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, cơ quan chính quyền các nước.

3. Xúc tiến thương mại là hoạt động thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ theo quy định của Luật Thương mại, bao gồm: hội chợ, triển lãm, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, kết nối cung cầu, đưa hàng Việt về nông thôn, khu, cụm công nghiệp, đô thị, hoạt động trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến và các hoạt động xúc tiến thương mại hợp pháp khác.

## Chương **II**

## **XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC**

# Điều 4. Tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại thành phố Đà Nẵng

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Thuê mặt bằng, thiết kế và dàn dựng gian hàng.

b) Trang trí chung của hội chợ triển lãm.

c) Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế (nếu chưa bao gồm trong chi phí thuê mặt bằng).

d) Tuyên truyền, quảng bá hội chợ trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định.

đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc hội chợ.

e) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức.

g) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tối đa 50% các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này (không bao gồm nội dung tại điểm b khoản này).

b) Hỗ trợ tối đa 100% khi tổ chức gian hàng chung thành phố Đà Nẵng, bao gồm: Thuê gian hàng/mặt bằng, thiết kế, dàn dựng, thiết bị, trang trí; mua hàng mẫu; vận chuyển tư liệu và hàng hóa trưng bày; chi phí tuyên truyền, quảng bá; chi phí quản lý gian hàng.

# Điều 5. Tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại các tỉnh, thành phố trong nước; tham gia trưng bày, giới thiệu các sản phẩm của địa phương bên lề các hội nghị, hội thảo Bộ, ngành và các tỉnh, thành trong nước

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày, triển lãm chung của thành phố: Mặt bằng/gian hàng, thiết kế, dàn dựng và trang trí gian hàng chung.

b) Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế,...(nếu chưa bao gồm trong chi phí thuê mặt bằng/gian hàng).

c) Tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định.

d) Tổ chức hội nghị, hội thảo, trình diễn sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại liên quan trong khuôn khổ sự kiện (nếu có).

đ) Vận chuyển tư liệu và hàng hóa trưng bày tại sự kiện.

e) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức.

g) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

# Điều 6. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, chương trình kết nối giao thương và hoạt động xúc tiến thương mại khác

1. Nội dung hỗ trợ

a) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn, chương trình kết nối giao thương và hoạt động xúc tiến thương mại khác.

b) Thuê mặt bằng/gian hàng tổ chức sự kiện.

c) Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày triển lãm, giới thiệu sản phẩm: Thiết kế, dàn dựng, thiết bị và trang trí.

d) Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế (nếu chưa bao gồm trong chi phí thuê mặt bằng/gian hàng).

đ) Tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định.

e) Tổ chức khai mạc, bế mạc, trình diễn sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại liên quan trong khuôn khổ sự kiện.

g) Vận chuyển tư liệu và hàng hóa trưng bày tại sự kiện.

h) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

i) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

# Điều 7. Tuyên truyền, quảng bá về hoạt động xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu sản phẩm, dịch vụ thành phố Đà Nẵng tại thị trường trong nước

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Tư vấn, thiết kế xây dựng nội dung, chiến lược truyền thông, tư vấn phát triển thương hiệu;

b) Truyền thông, quảng bá trên báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, ấn phẩm, trên các mạng xã hội và các hình thức hợp pháp theo quy định;

c) Tổ chức hội nghị, hội thảo thông tin, tuyên truyền về hoạt động xúc tiến thương mại và hàng hóa, dịch vụ thành phố Đà Nẵng.

d) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

**Chương III**

**XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI MIỀN NÚI, BIÊN GIỚI VÀ HẢI ĐẢO**

# Điều 8. Tổ chức phiên chợ hàng Việt, phát triển hệ thống phân phối hàng Việt tại miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, hải đảo, khu vực biên giới giáp với CHDCND Lào

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Chi phí vận chuyển;

b) Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày.

c) Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế,...(nếu chưa bao gồm trong chi phí thuê mặt bằng/gian hàng).

d) Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu chương trình tổ chức bán hàng và hệ thống phân phối hàng hóa;

đ) Tổ chức hội nghị, hội thảo, trình diễn sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại liên quan trong khuôn khổ sự kiện.

e) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức.

g) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

# Điều 9. Xây dựng và cung cấp thông tin thị trường biên giới, cửa khẩu của Việt Nam và CHDCND Lào

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Mua tư liệu; điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu; phiên dịch, biên soạn, phát hành.

b) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia điều tra, khảo sát.

c) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

# Điều 10. Tổ chức hoạt động giao dịch thương mại và đưa hàng vào Khu kinh tế cửa khẩu

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn và kết nối giao thương.

b) Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm: Mặt bằng, thiết kế, dàn dựng và trang trí.

c) Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế (nếu chưa bao gồm trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng).

d) Tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định.

đ) Chi phí vận chuyển tư liệu và hàng hóa trưng bày tại sự kiện.

e) Tổ chức quản lý của đơn vị chủ trì: Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức, biên phiên dịch, bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

g) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

## Chương **IV**

## **XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN NGOẠI THƯƠNG**

# Điều 11. Tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày, triển lãm chung của thành phố: Mặt bằng/gian hàng, thiết kế, dàn dựng và trang trí gian hàng chung.

b) Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế,...(nếu chưa bao gồm trong chi phí thuê mặt bằng/gian hàng).

c) Tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định.

d) Tổ chức tham gia hội nghị, hội thảo, trình diễn sản phẩm và các hoạt động xúc tiến thương mại liên quan trong khuôn khổ sự kiện (nếu có).

đ) Vận chuyển tư liệu và hàng hóa trưng bày tại sự kiện.

e) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức.

g) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

# Điều 12. Hỗ trợ đơn vị tham gia các hội chợ triển lãm tại nước ngoài

1. Nội dung hỗ trợ: Chi phí thuê gian hàng; chi phí vận chuyển tư liệu, hàng hóa trưng bày tại hội chợ, triển lãm.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không quá 70 triệu đồng/đơn vị tham gia đối với sự kiện tại khu vực Châu Á; 150 triệu đồng/đơn vị tham gia đối với hội chợ triển lãm tại khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 200 triệu đồng/đơn vị tham gia đối với hội chợ triển lãm tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh. Mỗi đơn vị tham gia được hỗ trợ không quá 01 lần/năm.

# Điều 13. Tổ chức hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại Việt Nam

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Thuê mặt bằng, thiết kế và dàn dựng gian hàng.

b) Trang trí chung của hội chợ triển lãm.

c) Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, y tế (nếu chưa bao gồm trong chi phí thuê mặt bằng).

d) Tuyên truyền, quảng bá hội chợ trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan và các hình thức khác theo quy định.

đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc hội chợ và các hoạt động xúc tiến thương mại liên quan trong khuôn khổ hội chợ, triển lãm.

e) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức.

g) Chi phí gian hàng cho các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, cơ quan chính quyền các nước tham gia hội chợ triển lãm;

h) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Quy mô: Hội chợ, triển lãm có quy mô tối thiểu 80 gian hàng tiêu chuẩn.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

# Điều 14. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại ở nước ngoài

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài đến giao thương; tuyên truyền sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan; giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp.

b) Tổ chức hoặc tham gia hội nghị, hội thảo, diễn đàn và kết nối giao thương.c) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức.

d) Chi phí đi lại cho 01 người/đơn vị tham gia bao gồm: Tiền vé máy bay, vé tàu, vé xe từ Việt Nam đến nước công tác và ngược lại (kể cả vé máy bay, vé tàu xe trong nội địa nước đến công tác).

đ) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Quy mô: Tối thiểu 06 đơn vị tham gia đối với đoàn đa ngành, 04 đơn vị tham gia đối với đoàn chuyên ngành.

3. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Hỗ trợ tối đa 100% công tác phí cho người của đơn vị chủ trì và các chi phí khác phục vụ công tác xúc tiến thương mại khi tham gia đoàn giao dịch thương mại, khảo sát thị trường nước ngoài theo chương trình, quyết định đoàn công tác của Trung ương, bộ, ngành và UBND thành phố Đà Nẵng.

# Điều 15. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch để mua hàng

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn và kết nối giao thương.

b) Tuyên truyền, quảng bá và mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam; tổ chức giới thiệu, thông tin về đoàn doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp Việt Nam.

c) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức.

d) Đối với doanh nghiệp nước ngoài tham gia: Ăn, ở, đi lại tại Việt Nam.

đ) Đối với người của đơn vị đối tác tổ chức đưa đoàn vào Việt Nam: Vé máy bay khứ hồi, ăn, ở, đi lại tại Việt Nam.

e) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Quy mô: Tối thiểu 04 doanh nghiệp nước ngoài, 08 doanh nghiệp Việt Nam.

3. Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm d khoản 1 Điều này và không quá 04 ngày 03 đêm cho 01 người/doanh nghiệp nước ngoài;

c) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này và không quá 04 ngày 03 đêm cho 01 người/đoàn có quy mô tối thiểu 04 doanh nghiệp nước ngoài.

# Điều 16. Kết nối giao thương tại Việt Nam giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Tuyên truyền, quảng bá, mời các tổ chức, doanh nghiệp đến giao dịch;

b) Tổ chức hội nghị và kết nối giao thương.

c) Tổ chức gian hàng, khu vực trưng bày giới thiệu sản phẩm: Mặt bằng, thiết kế, dàn dựng và trang trí.

d) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức.

đ) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Quy mô: Tối thiểu 12 nhà cung cấp và 4 doanh nghiệp xuất khẩu.

3. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

# Điều 17. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn quốc tế về ngành hàng xuất khẩu tại Việt Nam

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn quốc tế.

b) Tuyên truyền, quảng bá sự kiện trên các phương tiện thông tin đại chúng, trực quan; mời các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam và các hình thức khác theo quy định.

c) Công tác phí cho người của đơn vị chủ trì tham gia tổ chức.

d) Đối với khách mời là đại biểu quốc tế: Ăn, ở, đi lại tại Việt Nam.

e) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

# Điều 18. Tổ chức tuyên truyền, quảng bá ngành hàng, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận của Việt Nam ở nước ngoài

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Thuê tư vấn xây dựng nội dung và kế hoạch, chiến lược tuyên truyền, quảng bá;

b) Thực hiện sản phẩm tuyên truyền, quảng bá:

- Xây dựng sản phẩm tuyên truyền, quảng bá: Thiết kế, thu thập tư liệu, viết bài, sản xuất phim, ảnh, sản phẩm truyền thông;

- Tuyên truyền, quảng bá, phát hành tại các sự kiện xúc tiến thương mại và trên các phương tiện thông tin truyền thông.

c) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Chương trình xây dựng và thực hiện theo kế hoạch liên tục tối thiểu 03 năm, tối đa 05 năm đối với 01 thị trường mục tiêu.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

## Chương V

## HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ LOGISTICS PHỤC VỤ

## HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG

# Điều 19. Tổ chức tham gia hội chợ triển lãm về logistics tại nước ngoài

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

**Điều 20. Tổ chức hội chợ triển lãm quốc tế về logistics tại Việt Nam**

1. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 13 của Quy định này.

2. Quy mô: Hội chợ, triển lãm có quy mô tối thiểu 25 gian hàng tiêu chuẩn.

# Điều 21. Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế về logistics tại nước ngoài

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 14 Quy định này.

# Điều 22. Mời đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics, trung tâm logistics phục vụ hoạt động ngoại thương

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 Quy định này.

# Điều 23. Tổ chức hội nghị, hội thảo, diễn đàn quốc tế về logistics tại Việt Nam

Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ theo quy định tại Điều 17 Quy định này.

Quy mô: Tối thiểu 25 doanh nghiệp và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực logistics.

## Chương VI

## XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

# Điều 24. Xây dựng khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu trên các sàn giao dịch thương mại điện tử

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Duy trì tư cách thành viên cơ bản cho tài khoản của đơn vị tham gia tối đa 12 tháng; duy trì tư cách thành viên đặc biệt cho đơn vị chủ trì tối đa 12 tháng để khai thác thông tin khách hàng cung cấp cho đơn vị tham gia;

b) Thiết kế nhận diện chung gian hàng của các đơn vị tham gia;

c) Tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia, giao dịch;

d) Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: Thuê nhân công hỗ trợ kỹ thuật, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tài khoản; thuê tư vấn đấu thầu (nếu có); bưu chính; điện thoại; văn phòng phẩm.

đ) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này. Sàn giao dịch thương mại điện tử được chọn hỗ trợ phải thuộc 50 sàn giao dịch thương mại điện tử hàng đầu theo xếp hạng của tổ chức đánh giá được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương.

# Điều 25. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, ngành hàng, thị trường trên môi trường mạng

1. Nội dung hỗ trợ:

a) Tuyên truyền, quảng bá, mời các đơn vị tham gia;

b) Thuê nền tảng trực tuyến, đường truyền mạng;

c) Thuê hội trường, thiết bị, trang trí, phiên dịch, biên dịch;

d) Thuê báo cáo viên, thuyết trình viên: Thù lao, công tác phí;

đ) Tổ chức, quản lý của đơn vị chủ trì: Chi phí cho cán bộ tổ chức, thuê tư vấn đấu thầu (nếu có), bưu chính, điện thoại, văn phòng phẩm.

e) Các khoản chi khác theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Quy mô: Tối thiểu 50 đơn vị tham gia đối với chương trình cung cấp thông tin về phát triển sản phẩm, thị trường xuất khẩu; tối thiểu 25 đơn vị nước ngoài đối với chương trình cung cấp thông tin sản phẩm, ngành hàng của Việt Nam.

3. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

# Điều 26. Hỗ trợ tham gia các sàn thương mại điện tử quốc tế

1. Nội dung hỗ trợ: Thuê tư vấn, phí tài khoản người bán, phí giới thiệu, phí hoàn thiện đơn hàng, phí lưu kho, chi phí đăng ký mã vạch sản phẩm, chi phí thiết kế và chụp ảnh sản phẩm, chi phí quảng cáo trên sàn thương mại điện tử.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

a) Đối với thuê tư vấn; chi phí đăng ký tài khoản trên các sàn thương mại điện tử quốc tế không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/đơn vị tham gia;

b) Đối với phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử quốc tế không quá 50 triệu đồng/năm/đơn vị tham gia

c) Mỗi đơn vị tham gia được hỗ trợ không quá 02 lần/05 năm

**Chương VII**

**ĐÀO TẠO, NÂNG CAO NĂNG LỰC, ĐIỀU TRA, KHẢO SÁT**

**XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG**

# Điều 27. Các hoạt động đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực về lĩnh vực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, thương mại điện tử, logistics

1. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

# Điều 28. Tổ chức đoàn nghiên cứu thị trường, liên kết hợp tác, phát triển sản xuất trong và ngoài nước

1. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số [40/2017/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-40-2017-TT-BTC-cong-tac-phi-chi-hoi-nghi-doi-voi-co-quan-nha-nuoc-su-nghiep-cong-lap-327960.aspx" \t "_blank) ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số [12/2025/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-40-2017-TT-BTC-cong-tac-phi-chi-hoi-nghi-doi-voi-co-quan-nha-nuoc-su-nghiep-cong-lap-327960.aspx) ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2017/TT-BTC và Thông tư số [102/2012/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-102-2012-TT-BTC-che-do-cong-tac-phi-cho-can-bo-cong-chuc-141561.aspx" \t "_blank) ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

# Điều 29. Điều tra, khảo sát tìm hiểu thông tin, nghiên cứu đánh giá nhu cầu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường

1. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng Điều tra thống kê quốc gia; được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

## Chương VIII

## TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỖ TRỢ

# Điều 30. Đối tượng thụ hưởng nội dung hỗ trợ xúc tiến thương mại

1. Hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị tham gia

a) Đơn vị tham gia được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quy định này được thụ hưởng trực tiếp từ các nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 12 và Điều 26 Quy định này.

b) Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ được quy định chi tiết tại Điều 32 và 33 Quy định này.

c) Việc hỗ trợ kinh phí cho đơn vị tham gia được thực hiện sau khi đơn vị tham gia hoàn thành đúng các nội dung được phê duyệt hỗ trợ và thực hiện các nội dung thanh quyết toán theo hướng dẫn của đơn vị chủ trì.

2. Hỗ trợ cho các đơn vị tham gia thông qua đơn vị chủ trì

a) Đơn vị chủ trì có trách nhiệm hỗ trợ cho đơn vị tham gia theo đúng đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

b) Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm hỗ trợ cho đơn vị tham gia các nội dung hỗ trợ xúc tiến thương mại quy định tại Quy định này (trừ nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này).

# Điều 31. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ tham gia các hội chợ triển lãm tại nước ngoài

1. Phạm vi áp dụng thủ tục

Hỗ trợ đơn vị tham gia theo Điều 12 Quy định này.

2. Trình tự thực hiện

a) Đơn vị tham gia nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tham gia các hội chợ triển lãm tại nước ngoài trước ngày 20/01 (đợt 01) và 20/5 (đợt 02) hằng năm. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

b) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Công Thương thành phố lấy ý kiến Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ; các sở, ngành liên quan đến hội chợ, triển lãm chuyên ngành (nếu có); và xin ý kiến UBND thành phố trong trường hợp vượt thẩm quyền.

c) Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Sở Công Thương có văn bản đề nghị tham gia ý kiến; các cơ quan, đơn vị có văn bản tham gia ý kiến về nội dung theo chức năng, nhiệm vụ.

d) Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, Sở Công Thương tổng hợp ý kiến các sở, ngành, xem xét, thẩm định hồ sơ và quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân hoặc có văn bản từ chối hỗ trợ.

đ) Trên cơ sở thông báo kết quả xác nhận hỗ trợ, Sở Công Thương chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng hướng dẫn đơn vị tham gia thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần

- Đơn đề nghị hỗ trợ (mẫu số 01);

- Báo giá hoặc giấy tờ tương đương về các hạng mục đề nghị hỗ trợ;

- Giấy xác nhận hoặc văn bản có giá trị tương đương của hội, hiệp hội doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng (trong trường hợp tổ chức/đơn vị là chi nhánh doanh nghiệp tại thành phố Đà Nẵng);

- Thư mời/brochure hoặc văn bản tương đương mời tham gia hội chợ triển lãm (bản sao kèm bản dịch bằng tiếng Việt)

- Giấy xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế do cơ quan thuế hoặc các văn bản có giá trị tương đương trong vòng 03 tháng gần nhất (bản gốc kèm bản sao).

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ*:* 02 bộ

4. Thời gian thực hiện

20 (hai mươi) ngày làm việc.

5. Cách thức thực hiện

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng theo một trong các hình thức sau:

- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích;

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng;

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công.

b) Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích (theo yêu cầu) hoặc trả kết quả trực tuyến tại Cổng dịch vụ công.

6. Cơ quan giải quyết: Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng

7. Kết quả thực hiện: Quyết định hỗ trợ của Giám đốc Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng.

# Điều 32. Trình tự, thủ tục xét hỗ trợ tham gia sàn thương mại điện tử quốc tế

1. Phạm vi áp dụng thủ tục

Hỗ trợ cho đơn vị tham gia theo Điều 26 Quy định này.

2. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ tại Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng trước ngày 30/3 hằng năm.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và không hợp lệ, trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng có thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

b) Trong vòng 12 (mười hai) ngày làm việc, Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng xem xét, thẩm định hồ sơ và quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân hoặc có văn bản từ chối hỗ trợ.

c) Trên cơ sở thông báo kết quả xác nhận hỗ trợ, Sở Công Thương chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng hướng dẫn đơn vị tham gia thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần

- Đơn đăng ký tham gia sàn thương mại điện tử quốc tế (mẫu số 02);

- Giấy xác nhận hoặc văn bản có giá trị tương đương của hội, hiệp hội doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng (trong trường hợp tổ chức/đơn vị là chi nhánh doanh nghiệp tại thành phố Đà Nẵng)

- Báo giá các nội dung đề nghị hỗ trợ (bản sao)

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ*:* 02 bộ

4. Thời gian thực hiện

12 (mười hai) ngày làm việc.

5. Cách thức thực hiện

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng theo một trong các hình thức sau:

- Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích;

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng;

- Nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng dịch vụ công.

b) Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại Trung tâm dịch vụ hành chính công thành phố Đà Nẵng hoặc qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích (theo yêu cầu) hoặc trả kết quả trực tuyến tại Cổng dịch vụ công.

6. Cơ quan giải quyết: Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng

7. Kết quả thực hiện: Quyết định hỗ trợ của Giám đốc Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng.

## Chương IX

## KINH PHÍ THỰC HIỆN

# Điều 33. **Nguồn kinh phí**

1. Ngân sách nhà nước thành phố bố trí tối thiểu 25 (hai mươi lăm) tỷ đồng/năm từ nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, tùy vào điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo rà soát, tổng hợp vào dự toán ngân sách trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, bố trí thêm mức vốn cho phù hợp để triển khai thực hiện.

2. Nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ cấp theo chương trình, kế hoạch được phê duyệt;

3. Nguồn kinh phí đóng góp của đơn vị tham gia;

4. Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

# **Điều 34. Nguyên tắc** **sử dụng kinh phí**

1. Kinh phí thực hiện bảo đảm chi cho những hoạt động xúc tiến thương mại do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý và tổ chức thực hiện trên địa bàn, phù hợp với chủ trương, chính sách phát triển thương mại - dịch vụ của thành phố.

2. Kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ này không được sử dụng cho cùng một nội dung chi từ nguồn kinh phí khác của Ngân sách nhà nước.

3. Mức chi hoạt động xúc tiến thương mại này thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 45/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính.

## Chương X

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

# Điều 35: Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm như sau:

a) Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại với Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Chỉ đạo Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng

- Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình và chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng tổ chức thực hiện Chương trình theo Quy định này và đúng quy định của pháp luật hiện hành; đồng thời tiến hành kiểm tra, giám sát việc triển khai Chương trình của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng;

- Hằng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách, Sở Công Thương căn cứ quy định Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước, Quy định hỗ trợ tại Nghị quyết này và trên cơ sở nhu cầu đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp để lập dự toán theo nội dung mức chi đúng chế độ chi tiêu hiện hành và tổng hợp vào dự toán ngân sách thành phố gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, trình Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện Chương trình hàng năm trước ngày 31 tháng 01 năm tiếp theo.

c) Chỉ đạo Sở Tài chính căn cứ vào dự toán của Sở Công Thương tổng hợp bố trí nguồn kinh phí hàng năm cho các nội dung hỗ trợ trên. Trường hợp kinh phí hỗ trợ trong năm vượt quá mức dự toán được giao từ đầu năm, Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp bổ sung trình UBND thành phố quyết định trong đợt điều chỉnh bổ sung dự toán hàng năm.

d) Chỉ đạo các sở, ban, ngành liên quan, UBND các phường, xã và đặc khu phối hợp với Sở Công Thương để triển khai các nội dung hỗ trợ theo Quy định này.

2. Các Sở, ban, ngành; UBND các phường, xã và đặc khu; các hội, hiệp hội ngành hàng; các tổ chức chính trị xã hội căn cứ dự toán kinh phí ngân sách hằng năm được giao và nguồn thu hợp pháp tại đơn vị quyết định thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại theo định mức hỗ trợ tại Quy định này và thanh, quyết toán kinh phí theo quy định về quản lý, sử dụng nguồn kinh phí hàng năm của đơn vị trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Trong trường hợp có sự thay đổi, vướng mắc trong việc thực hiện các nội dung Quy định, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.

**Phụ lục 01**

**CÁC MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

*(Ban hành kèm theo quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của thành phố Đà Nẵng kèm theo Nghị quyết số /202 /NQ-HĐND ngày tháng năm 202 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ/DOANH NGHIỆP -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**HỖ TRỢ THAM GIA CÁC HỘI CHỢ TRIỂN LÃM TẠI NƯỚC NGOÀI**

**TỪ CHÍNH SÁCH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Kính gửi: Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng

**I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP[[1]](#footnote-1)**

1. Tên Công ty/ Đơn vị: ………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………

2. Tên giao dịch quốc tế: …………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………

3. Địa chỉ: …………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………

4. Loại hình doanh nghiệp: (chọn 01 trong các lựa chọn)

🞎 Công ty 🞎 Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

🞎 Chi nhánh doanh nghiệp, là thành viên hiệp hội doanh nghiệp:

.........................................................................................................................

🞎 Khác: ..........................................................................................................

5. Mã số thuế: …….…………………………………………………………………

6. Người đại diện theo pháp luật: ….…………………………….………………….

Chức vụ: …………………………………………………………………………….

Điện thoại di động: ………………………………………………………………….

7. Người liên hệ:…………………………………………Chức vụ:…………………

Điện thoại di động: …………………………………………………………………..

8. Email: …………..…………………………………………………………………

9. Website: ………………………………………………………………………………

10. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tương đương số: ................

Do: ..................................................................................................................

Cấp lần đầu ngày: …./…./….....Lần thay đổi gần nhất:………/……./…….

11. Số tài khoản: ………………………tại Ngân hàng: .........…………………………

12. Lĩnh vực hoạt động: ……………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….

13. Quy mô doanh nghiệp (số lao động):………………………………………………

14. Sản phẩm trưng bày tại Hội chợ triển lãm: …………………………………………………………………………………………….………...……………………………………………………………………………

15. Các chứng chỉ chất lượng quốc tế mà doanh nghiệp đạt được: ………………………………………………………………………………………….

16. Thị trường xuất khẩu chính, tỷ lệ %: ……………………………………………………………………………………………….………...…………………………………………………………………………

17. Năng lực sản xuất *(số lượng/ khối lượng sản phẩm sản xuất/năm*) …………………………………………………………………………….…………...…………………………………………………………………………………………

18. Năng lực xuất khẩu (số lượng/ khối lượng sản phẩm xuất khẩu/năm, tên thị trường)

…………………………………………………………………………….…………...………………………………………………………………………………….………

**II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

**1. Thông tin hội chợ triển lãm:**

a) Tên hội chợ, triển lãm

b) Thời gian tổ chức

c) Địa điểm tổ chức

d) Đơn vị chủ trì, tổ chức hội chợ, triển lãm:

đ) Nội dung chính của hội chợ, triển lãm

e) Tính chất của hội chợ, triển lãm (chuyên ngành, tổng hợp…)

g) Lĩnh vực ngành nghề chính của hội chợ, triển lãm

**2. Nội dung đề nghị hỗ trợ**

| **TT** | **Nội dung đề nghị được hỗ trợ** | **Số tiền thực hiện bằng ngoại tệ**  (nếu có) | **Số tiền[[2]](#footnote-2)**  **thực hiện**  (đồng) | **Số tiền đề nghị được hỗ trợ**  (đồng) | **Nguồn xã hội hoá của doanh nghiệp**  (đồng) | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| 3 | …. |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |

Số tiền bằng chữ ..............................................................................................đồng.

**3. Điều kiện xét duyệt hỗ trợ**

a) Không nhận hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí khác của Nhà nước cho cùng một nội dung chi đối với nội dung đăng ký hỗ trợ.

b) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về thuế và các nghĩa vụ liên quan khác theo quy định hiện hành.

c) Việc tham gia hội chợ triển lãm nước ngoài là phù hợp với năng lực, lĩnh vực hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và chỉ nhằm mục đích xúc tiến thương mại, phát triển thị trường.

**4. Cam kết của tổ chức doanh nghiệp**

a) Thoả mãn các điều kiện tại xét duyệt hỗ trợ

b) Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về toàn bộ các nội dung đã kê khai theo Đơn đề nghị này và của các văn bản gửi kèm theo.

c) Phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện thủ tục thanh, quyết toán và báo cáo kết quả sau khi hoàn thành.

**5. Các tài liệu, hồ sơ gửi kèm gồm có:**

a) Thư mời/brochure hoặc văn bản tương đương mời tham gia hội chợ (bản sao kèm bản dịch bằng tiếng Việt);

b) Báo giá các nội dung đề nghị hỗ trợ;

c) Giấy xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế do cơ quan thuế hoặc văn bản có giá trị tương đương trong vòng 03 tháng gần nhất;

(d) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương.

Chúng tôi cam kết hồ sơ kèm theo Đơn đề nghị này gửi đến là đúng sự thật, kính đề nghị Sở Công Thương thành phố xem xét phê duyệt hỗ trợ./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..., ngày... tháng... năm 20...* **Đại diện đơn vị, cơ sở** *(ký và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ/DOANH NGHIỆP -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *….., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**HỖ TRỢ THAM GIA SÀN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ QUỐC TẾ**

**TỪ CHÍNH SÁCH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Kính gửi: Sở Công Thương thành phố Đà Nẵng

**1. Thông tin về đơn vị tham gia[[3]](#footnote-3)**

a) Tên đơn vị đề nghị hỗ trợ: .........................................................................

........................................................................................................................

b) Loại hình tổ chức/doanh nghiệp: (chọn 01 trong các lựa chọn)

🞎 Công ty 🞎 Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

🞎 Chi nhánh doanh nghiệp, là thành viên hiệp hội doanh nghiệp:

.........................................................................................................................

Địa chỉ chi nhánh: ..........................................................................................

🞎 Tổ chức xúc tiến thương mại

🞎 Khác: ..................................................................................................

c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tương đương số: ................ Do: ..................................................................................................................

Cấp lần đầu ngày: …./…./….....Lần thay đổi gần nhất:………/……./…….

d) Mã số thuế: .........................................................................................

đ) Địa chỉ trụ sở chính: .........................................................................................

e) Điện thoại: ............................................ Email: .....................................

g) Sản phẩm/dịch vụ kinh doanh: ..................................................................

h) Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: .....................................Số điện thoại liên hệ ...........................

i) Người liên hệ:

Họ và tên: .....................................Số điện thoại liên hệ ...........................

k) Thông tin tài khoản ngân hàng của đơn vị................................................

l) Doanh thu năm gần nhất:

m) Số lao động:

n) Kênh tiêu thụ chủ yếu:

o) Các chứng chỉ, tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, xuất khẩu (nếu có):

p) Các thị trường đã xuất khẩu (nếu có) kèm doanh thu trung bình/năm mỗi thị trường:

q) Các sàn thương mại điện tử quốc tế nếu có (đã tham gia, đã phát sinh giao dịch):

**2. Thông tin về việc tham gia sàn thương mại điện tử**

a) Tên sàn thương mại điện tử

b) Thông tin về sản phẩm dịch vụ dự kiến đưa lên sàn thương mại điện tử (tên, mô tả sản phẩm, loại hình

**3. Nội dung đề nghị hỗ trợ**

| **TT** | **Nội dung đề nghị được hỗ trợ** | **Số tiền thực hiện bằng ngoại tệ**  (nếu có) | **Số tiền[[4]](#footnote-4)**  **thực hiện**  (đồng) | **Số tiền đề nghị được hỗ trợ**  (đồng) | **Nguồn xã hội hoá của doanh nghiệp**  (đồng) | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |

Số tiền bằng chữ .....................................................................................................

4**. Điều kiện xét duyệt hỗ trợ**

a) Không nhận hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí khác của Nhà nước cho cùng một nội dung chi đối với nội dung đăng ký hỗ trợ.

b) Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về thuế và các nghĩa vụ liên quan khác theo quy định hiện hành.

c) Việc tham gia sàn thương mại điện tử là phù hợp với năng lực, lĩnh vực hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp.

**5. Cam kết của tổ chức doanh nghiệp**

a) Thoả mãn các điều kiện tại xét duyệt hỗ trợ

b) Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về toàn bộ các nội dung đã kê khai theo Đơn đề nghị này và của các văn bản gửi kèm theo.

c) Phối hợp với đơn vị chủ trì thực hiện thủ tục thanh, quyết toán và báo cáo kết quả sau khi hoàn thành.

**6. Các tài liệu, hồ sơ gửi kèm gồm có:**

a) Báo giá các nội dung đề nghị hỗ trợ (bản sao kèm bản dịch thuật bằng tiếng Việt )

b) Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc các giấy tờ có giá trị tương đương.

Chúng tôi cam kết hồ sơ kèm theo Đơn đề nghị này gửi đến là đúng sự thật, kính đề nghị Sở Công Thương thành phố xem xét phê duyệt hỗ trợ./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..., ngày... tháng... năm 20...* **Đại diện đơn vị, cơ sở** *(ký và ghi rõ họ tên)* |

**Phụ lục 02**

**MẪU QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT HỖ TRỢ**

*(Ban hành kèm theo quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của thành phố Đà Nẵng kèm theo Nghị quyết số /202 /NQ-HĐND ngày tháng năm 202 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG  **SỞ CÔNG THƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-SCT | *Đà Nẵng, ngày tháng năm 202* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp kinh phí hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng năm 202… cho (Đơn vị tham gia)**

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ ………..;*

*Theo đề nghị của……………..*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều** 1. Hỗ trợ kinh phí thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng năm 202… cho (Đơn vị tham gia) để về tham gia các hội chợ triển lãm tại nước ngoài/ tham gia sàn thương mại điện tử quốc tế với giá trị kinh phí hỗ trợ là đồng (Bằng chữ: )*.*

**Điều 2.** Trách nhiệm của (Đơn vị tham gia)

a) Tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài/ tham gia sàn thương mại điện tử quốc tế cụ thể như sau:

*ĐVT: 1.000 đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số tiền** | **Trong đó** | |
| **Kinh phí XTTM TPĐN** | **Nguồn xã hội hoá của doanh nghiệp** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |

b) Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài/ tham gia sàn thương mại điện tử quốc tế, cung cấp thông tin, báo cáo kết quả thực hiện khi có yêu cầu và thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định

**Điều 3.** Giao Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm hướng dẫn theo dõi, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán sau khi (Đơn vị tham gia) hoàn thành nội dung hỗ trợ.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Trưởng các phòng Quản lý thương mại, Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại thành phố Đà Nẵng, (Đơn vị tham gia) và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 5;  - UBND TPĐN (để báo cáo);  - Lưu: VT, QLTM. | **GIÁM ĐỐC** |

1. Đối với trường hợp là tổ chức xúc tiến thương mại, đề nghị cung cấp thông tin của các doanh nghiệp có sản phẩm tham gia trưng bày tại csc hội chợ theo các thông tin từ mục 13 đến mục 18, [↑](#footnote-ref-1)
2. Trường hợp số tiền được xác định bằng ngoại tệ (USD/EUR/…) thì sẽ được quy đổi sang Việt Nam đồng (VND) theo tỷ giá bán ra do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm ngày đầu tiên của quý gần nhất. [↑](#footnote-ref-2)
3. Đối với trường hợp là tổ chức xúc tiến thương mại, đề nghị cung cấp thông tin của các doanh nghiệp có sản phẩm tham gia trưng bày tại csc hội chợ theo các thông tin từ mục l đến mục q, [↑](#footnote-ref-3)
4. Trường hợp số tiền được xác định bằng ngoại tệ (USD/EUR/…) thì sẽ được quy đổi sang Việt Nam đồng (VND) theo tỷ giá bán ra do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) công bố tại thời điểm ngày đầu tiên của quý gần nhất. [↑](#footnote-ref-4)